

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang.

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Bá H**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình..

2. *Bị đơn:* **Chị Vũ Thị T**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có mặt, chị T, bà D vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Bá H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/7/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh H ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh chị đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng có thời gian tìm hiểu ngắn, chưa hiểu tính cách và con người của nhau. Chị T là người không chăm chỉ lao động, không trung thực trong cuộc sống nên hay để xảy ra những sự việc không mong muốn trong gia đình. Anh và gia đình đã góp ý, khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T không những không thay đổi mà còn có lời lẽ, thái độ hỗn láo với anh và gia đình anh. Do vậy, cuộc sống hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Tháng 12 năm 2015 chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ để ở xã V, huyện V ở. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị T không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Vũ Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

* Chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh H, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, NH chị T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy chị T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

* **Bà Nguyễn Thị D - mẹ đẻ của chị Vũ Thị T trình bày:** Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho chị T, bà đã nhận được. Tuy nhiên, hiện nay chị T đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về được. Bà và gia đình đã thông báo cho chị T về nội D các văn bản tố tụng, chị T có nói lại là do công việc bận nên chị không thể về được, chị đã biết về việc anh H xin ly hôn chị, chị nhất trí ly hôn với anh H. Hiện tại giữa anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên không có ràng buộc gì. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh H và chị T như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh H và chị T sống ở gia đình nhà anh H, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có mâu thuẫn giữa anh chị T và gia đình anh H, anh H nghe gia đình nên cuối năm 2015 chị T xin phép mẹ anh H về nhà bà, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình bà có khuyên bảo, động viên nhiều lần NH chị T nói là không thể tiếp tục chung sống cùng với anh H và gia đình anh H được nữa. Đến nay, anh H có đơn xin ly hôn chị T, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng anh H, chị T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H. Anh H và chị T không có con chung, không có tài sản chung. Mọi

giấy tờ, thủ tục tố tụng đề nghị Tòa án gửi cho chị T theo địa chỉ gia đình bà, ghi tên chị T, con bố Đoàn, mẹ D là gia đình sẽ nhận được và có trách nhiệm sẽ thông báo ngay cho chị T biết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát. Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh H được ly hôn chị T. Về quan hệ con chung: Anh H và chị T không có con chung, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết; Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết khi có yêu cầu. Án phí: anh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, anh Nguyễn Bá H khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Vũ Thị T cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị T NH chị T vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Chị T vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội D vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Bá H và chị Vũ Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có thời gian tìm hiểu ngắn, chưa hiểu tính cách, con người nhau, quá trình chung sống có bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chị T đã về nhà bố mẹ để chị sống từ tháng 12 năm 2015 đến nay. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần NH chị T không đến Tòa án, chứng tỏ chị T không muốn hàn gắn

hạnh phúc gia đình. Chị T cũng đã trao đổi với mẹ đẻ và gia đình về việc không muốn đoàn tụ, nhất trí ly hôn với anh H. Xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp.

[3.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Bá H và chị Vũ Thị T không có con chung, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Bá H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Chị Vũ Thị T không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của anh H và chị T. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Bá H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Bá H được ly hôn chị Vũ Thị T.

[2]. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Bá H và chị Vũ Thị T không có con chung.

[3]. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Bá H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003456 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx quyền xx ngày 04/7/2014);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương